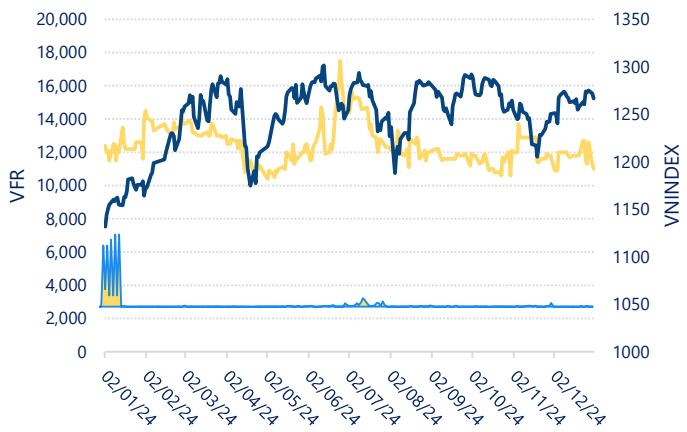
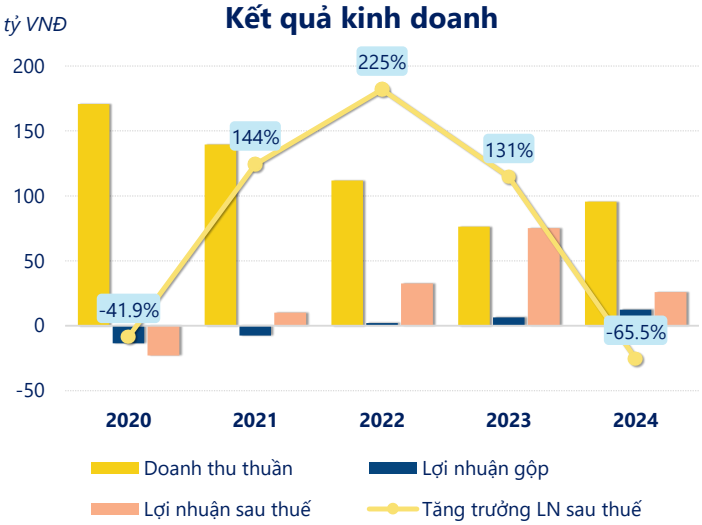
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	11,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.9%	-2.7%	-

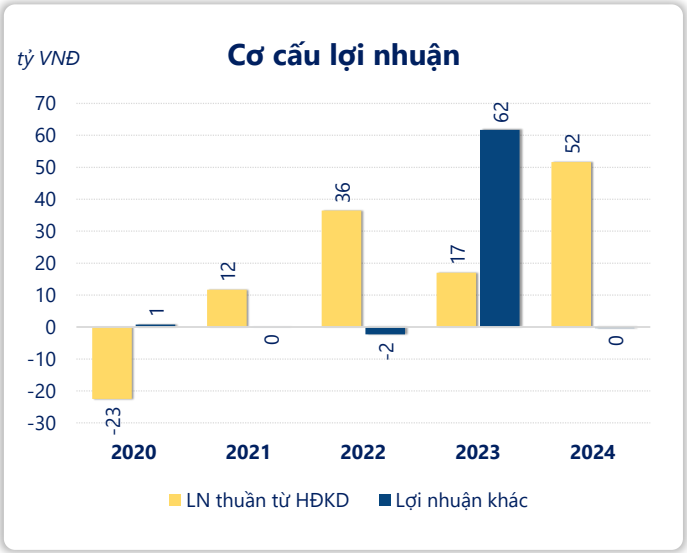
	2024	YoY
DT thuần	95.7 tỷ VNĐ	▲ 19.5 ▲ 25.5%
LN gộp	12.4 tỷ VNĐ	▲ 6.03 ▲ 93.9%
LN thuần	51.7 tỷ VNĐ	▲ 34.7 ▲ 205%
LN sau thuế	25.9 tỷ VNĐ	▼ 49.2 ▼ 65.5%
ROE	8.6%	+/- YoY ▼ 21.4%
ROA	7.4%	+/- YoY ▼ 15.1%

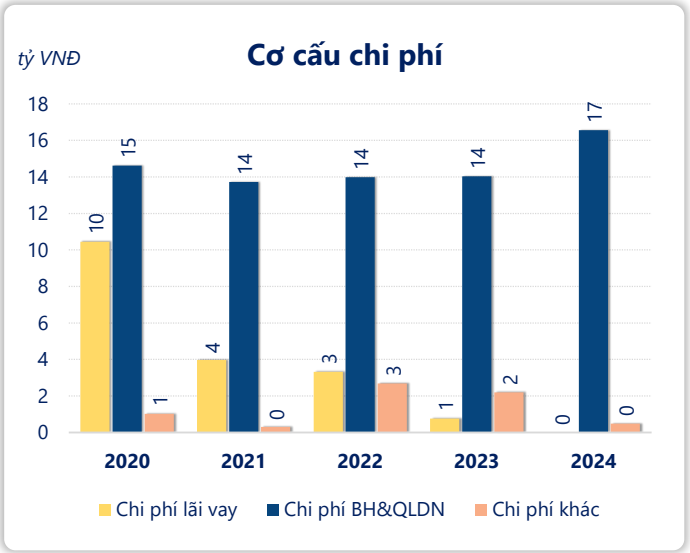




Kết quả kinh doanh **VFR** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 25.5%** đạt **95.68** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 65.5%** chỉ còn **25.95** tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **8.59%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

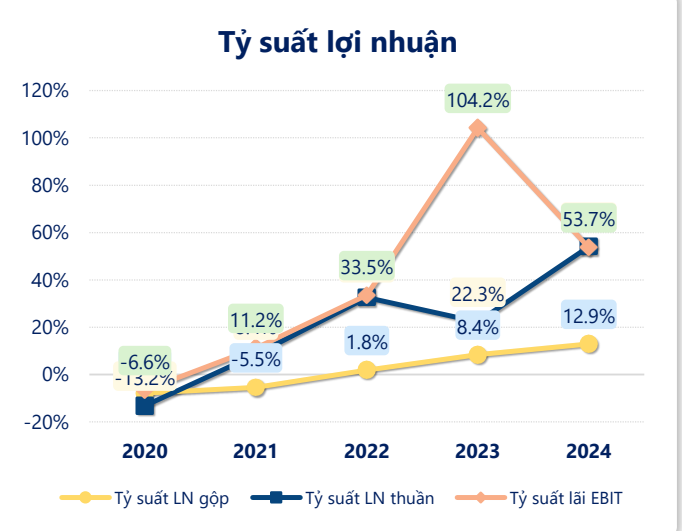


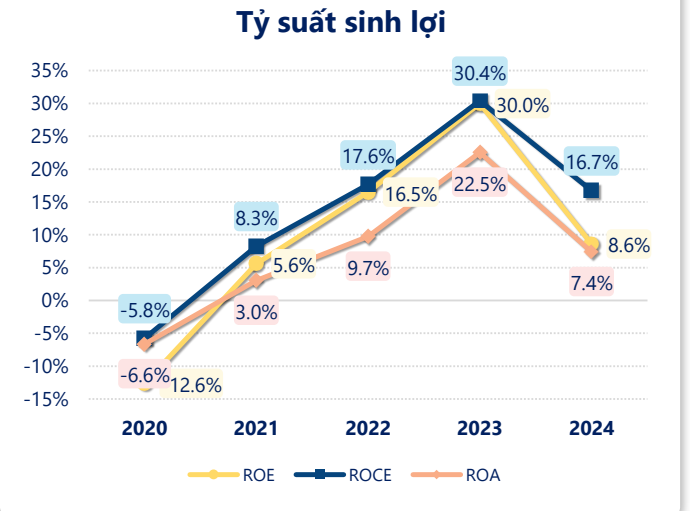


Năm **2024**, **VFR** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **51.69** tỷ đồng, **tăng lên 34.72** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (18.85 tỷ đồng) là 32.84 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

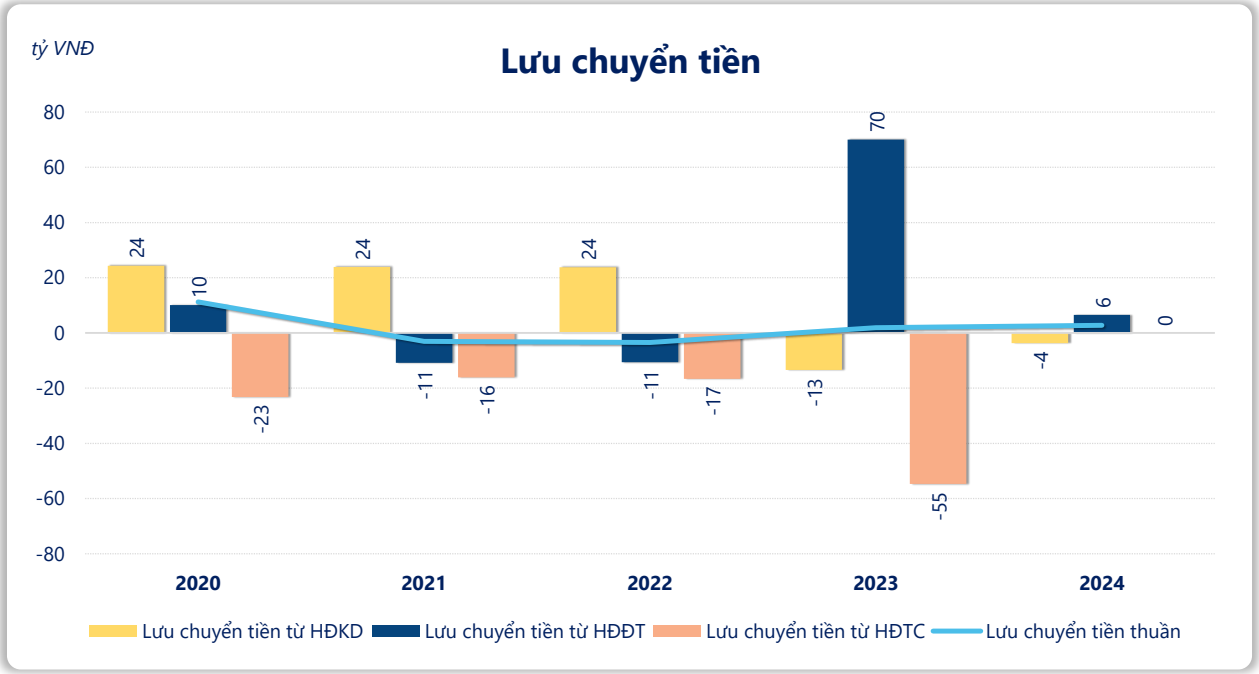
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **16.56** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.49** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VFR năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **8.59%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**171**	**140**	**112**	**76.2**	**95.7**
Giá vốn hàng bán	184	147	110	69.9	83.3
Lợi nhuận gộp	**-13.5**	**-7.66**	**2.05**	**6.37**	**12.4**
Doanh thu HĐTC	11.6	14.2	6.17	23.4	55.2
Chi phí TC	10.5	4.24	6.66	0.85	0.17
Chi phí lãi vay	**10.4**	**3.98**	**3.33**	**0.76**	**0**
LN trong công ty LKLD	4.52	23.1	48.9	2.04	0.86
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	14.6	13.7	14.0	14.0	16.6
LN thuần từ HĐKD	**-22.5**	**11.7**	**36.4**	**17.0**	**51.7**
Lợi nhuận khác	0.77	-0.01	-2.29	61.7	-0.34
LN trước thuế	**-21.8**	**11.7**	**34.2**	**78.7**	**51.3**
Lợi nhuận sau thuế	**-22.8**	**10.0**	**32.6**	**75.1**	**25.9**
LNST của CĐ cty mẹ	**-23.0**	**9.81**	**32.4**	**74.9**	**25.8**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VFR bằng **2.74** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (1.86 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-3.74** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **6.48** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.